

Gia Lai, ngày 14 tháng 6 năm 2019

### TỜ TRÌNH

Về việc trình phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, tổng số HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP  
trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và biên chế hội năm 2019

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI
Số: 2892
DẾN Ngày: 17/6/2019
Chuyển:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 9

Lưu hồ sơ số: Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định về vị trí làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện văn bản số 883/BNN-TCBC ngày 27/02/2019 của Bộ Nội vụ về thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, văn bản số 3947/BNN-TCBC ngày 16/08/2018 và văn bản số 6261/BNN-TCBC ngày 25/12/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xử lý vấn đề biên chế của hội; Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 9 ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, tổng số HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và biên chế hội năm 2019. Cụ thể đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt:

- Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2019 là 26.733 chỉ tiêu (giảm 704 chỉ tiêu so với số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã được Bộ Nội vụ thống nhất năm 2018), đạt tỷ lệ giảm bình quân 2,5%/năm theo mốc biên chế năm 2015.

- Tổng chỉ tiêu HDLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp năm 2019 là 1.462 chỉ tiêu (giảm 95 chỉ tiêu so với số chỉ tiêu HĐND tỉnh phê duyệt năm 2018), đạt tỷ lệ tinh giản 5% trong hai năm 2018 và 2019.

- Chỉ tiêu số lượng người làm việc năm 2019 tại các hội có tính chất đặc thù là 124 chỉ tiêu gồm 113 chỉ tiêu người làm việc, 11 HDLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (giảm 06 biên chế so với năm 2017), đạt tỷ lệ tinh giản 5% trong hai năm 2018 và 2019.

Ủy ban nhân dân tỉnh giải thích thêm để Hội đồng nhân dân tỉnh biết cơ sở trình giao biên chế năm 2019 như sau:

1. Về việc xác định tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2019:

- Năm 2018, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 phê duyệt 27.564 chỉ tiêu người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (chưa tách biên chế hội ra khỏi biên chế sự nghiệp); 1.557 chỉ tiêu HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (gồm cả trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp).

- Tuy nhiên, văn bản số 6411/BNV-TCBC ngày 07/12/2017 của Bộ Nội vụ thẩm định và thông báo biên chế sự nghiệp của tỉnh năm 2018 là 27.437 biên chế (đã tách 130 người làm việc tại hội ra khỏi biên chế sự nghiệp và tính lại tỷ lệ tinh giản) và 1.287 chỉ tiêu HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp (chưa tính HDLĐ trong các cơ quan hành chính vì lúc đó Bộ Nội vụ yêu cầu tổng hợp riêng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ).

- Năm 2019, theo đề nghị của UBND tỉnh về thẩm định biên chế năm 2019, Bộ Nội vụ có văn bản số 883/BNV-TCBC ngày 27/02/2019, theo đó, yêu cầu tỉnh thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế theo Nghị quyết 39/NQ-TW. Nghĩa là năm 2019 địa phương phải tiếp tục cắt giảm 2.5% biên chế sự nghiệp của năm 2015 (tương ứng 704 biên chế) như kết quả Bộ Nội vụ đã thẩm định và thông báo tại văn bản 6411/BNV-TCBC ngày 07/12/2017 (*Để đạt mục tiêu đến năm 2021 giảm ít nhất 10% biên chế sự nghiệp so với năm 2015 (từ 28.141 người của năm 2015 giảm xuống đến năm 2021 còn nhiều nhất là 25.236 người), thì trong 04 năm còn lại (2018-2021) tỉnh Gia Lai phải giảm ít nhất 2.815 người (28.141-25.326), giảm ít nhất là 10%, bình quân giảm ít nhất 704 người/năm (giảm 2.5%/năm) so với biên chế sự nghiệp do Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt 2015*).

Để thống nhất số liệu giữa tỉnh và Trung ương (do việc tách hay không tách biên chế hội ra khỏi biên chế sự nghiệp), UBND tỉnh đề nghị lấy mốc số liệu biên chế năm 2018 mà Bộ Nội vụ thống nhất là 27.437 chỉ tiêu để xác định biên chế giao năm 2019. Theo đó, năm 2019 UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt 26.733 chỉ tiêu (trong đó, 20.047 biên chế sự nghiệp giáo dục – đào tạo, 4.745 sự nghiệp y tế, 696 sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao, 1.245 biên chế sự nghiệp khác), giảm 704 biên chế (trong đó, gồm 523 biên chế sự nghiệp giáo dục – đào tạo, 125 biên chế sự nghiệp y tế, 23 biên chế sự nghiệp văn hóa, thể thao, 33 biên chế sự nghiệp khác) theo đúng yêu cầu của Trung ương về tinh giản biên chế.

## 2. HDLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:

Bộ Nội vụ yêu cầu tỉnh thực hiện quy định mới về HDLĐ tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, theo đó, địa phương chủ động quyết định chỉ tiêu HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp (không phải chờ ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ như trước đây), nhưng vẫn phải thực hiện nghiêm tinh giản biên chế.

UBND tỉnh sử dụng mốc số liệu HĐND tỉnh đã thông qua năm 2018 là 1.557 chỉ tiêu để tiếp tục xác định chỉ tiêu giao năm 2019. Theo đó, năm 2019 UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt 1.462 chỉ tiêu, giảm 95 chỉ tiêu (trong đó giảm 78 chỉ tiêu tương ứng 5% theo lộ trình giảm trong hai năm 2018, 2019 và 17 chỉ tiêu của Chi cục quản lý thị trường đã chuyển giao cho Bộ Công thương).

### 3. Biên chế hội:

Năm 2018, thực hiện kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ đã tách 130 biên chế và HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ra khỏi biên chế sự nghiệp hàng năm trung ương giao cho tỉnh và yêu cầu quản lý riêng (số 103 biên chế này Bộ Nội vụ đã đưa vào số cắt giảm của biên chế sự nghiệp năm 2018). Như vậy, trong kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương cấp cho tỉnh hàng năm không còn kinh phí hoạt động thường xuyên của hội.

Năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh không giao biên chế riêng cho từng hội vì không có đủ cơ sở pháp lý. Việc này gây khó khăn cho bố trí kinh phí ngân sách theo biên chế và giải quyết chính sách theo lương cho những người nguyên là công chức, viên chức đang công tác tại hội (mặc dù, UBND tỉnh đã căn cứ quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao để cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho hội).

Vì vậy, tại kỳ họp lần này, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, có Nghị quyết về giao biên chế cho từng hội làm cơ sở để UBND tỉnh cân đối nguồn kinh phí ngân sách địa phương từng năm giao cho hội.

Các cơ sở pháp lý và thực tiễn UBND tỉnh đề nghị vận dụng ban hành Nghị quyết gồm:

- Luật tổ chức chính quyền địa phương (điểm đ, khoản 2, điều 19) quy định thẩm quyền HĐND tỉnh *phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ*. Trước đây, biên chế hội tính chung trong biên chế sự nghiệp; nay Trung ương yêu cầu tách ra khỏi biên chế sự nghiệp và quản lý riêng.

- Theo điểm c, khoản 1, điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định thẩm quyền HĐND tỉnh *quyết định biện pháp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan cấp trên phân cấp*.

- Khoản 1, điều 35 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2019 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội quy định “*các hội có tính chất đặc thù được cấp kinh phí theo số biên chế được giao*”.

- Bộ Nội vụ có văn bản số 3947/BNV-TCBC ngày 16/08/2018 và văn bản số 6261/BNV-TCBC ngày 25/12/2018 trả lời đề nghị của tỉnh về xử lý vấn đề biên chế hội nêu: “*Tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng, Bộ Chính trị đã chỉ đạo: “từ năm 2017 đến năm 2020 từng bước thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho hội theo lộ trình phù hợp”*. Tuy nhiên, do chưa có văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa chỉ đạo nêu trên của Bộ Chính trị, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2019 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng chính phủ quy định hội có tính chất đặc thù, trình *Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt về biên chế Hội có tính chất đặc thù*

*hoạt động trong phạm vi của tỉnh Gia Lai năm 2018 và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định”.*

- Qua tham khảo, HĐND tỉnh một số địa phương khác đã ban hành Nghị quyết về giao biên chế hội đồng UBND tỉnh có cơ sở thực hiện.

Từ các căn cứ và thực tiễn nêu trên, UBND tỉnh sử dụng số liệu 130 biên chế và HDLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP để tính toán để xuất việc giao biên chế và tinh giản biên chế năm 2019 cho hội đồng (có biểu mẫu chi tiết kèm theo). Năm 2019 giao 124 chỉ tiêu (113 biên chế, 11 HDLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP), giảm 06 biên chế so với năm 2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 9 xem xét, phê duyệt (có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

**Nơi nhận:**

- Nhu trê;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các ĐB HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Ngọc Thành**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH GIA LAI** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

Về phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, chỉ tiêu người làm việc tại các tổ chức hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XI – KỲ HỌP THỨ 9  
(Từ ngày /6 đến /6/2019)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Triển khai thực hiện văn bản số 883/BNV-TCBC ngày 27/02/2019 của Bộ Nội vụ về thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, văn bản số 3947/BNV-TCBC ngày 16/08/2018 và văn bản số 6261/BNV-TCBC ngày 25/12/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xử lý vấn đề biên chế của hội,

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại tờ trình số: /TTr-UBND ngày .../6/2019, báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân Kỳ họp thứ 9-HĐND tỉnh khóa XI,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm việc tại các tổ chức hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai. Cụ thể như sau:

1. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 26.733 chỉ tiêu.

2. Số HDLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 1.462 chỉ tiêu.

**3. Số lượng người làm việc tại các tổ chức hội: 113 chỉ tiêu người làm việc và 11 lao động hợp đồng (có bảng giao số lượng người làm việc năm 2019 tại các tổ chức hội kèm theo kèm theo).**

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; đồng thời tổ chức thực hiện việc sử dụng và rà soát thực hiện tinh giản biên chế và HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hội theo quy định của Trung ương.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua vào ngày /6/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

**CHỦ TỊCH**

- Như điều 2;
- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc Hội, VP Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, Ban TCTU;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND,UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**BẢNG GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC TỔ CHỨC HỘI  
NĂM 2019**

( Ban hành kèm Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /6/2019  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Trước khi tách biên chế hội khỏi biên chế sự nghiệp của tỉnh năm 2017			Biên chế năm 2019			Tăng giảm		
		Tổng số	số lượng người làm việc	HĐLĐ theo NĐ 68	Tổng số	số lượng người làm việc	HĐLĐ theo NĐ 68	Tổng số	số lượng người làm việc	HĐLĐ theo NĐ 68
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130</b>	<b>119</b>	<b>11</b>	<b>124</b>	<b>113</b>	<b>11</b>	<b>-6</b>	<b>-6</b>	
<b>I</b>	<b>HỘI CẤP TỈNH</b>	<b>76</b>	<b>65</b>	<b>11</b>	<b>72</b>	<b>61</b>	<b>11</b>	<b>-4</b>	<b>-4</b>	
1	Liên minh HTX tỉnh	17	15	2	16	14	2	-1	-1	
2	Hội Chữ thập đỏ	17	15	2	16	14	2	-1	-1	
3	Hội Văn học nghệ thuật	12	10	2	11	9	2	-1	-1	
4	Hội Nhà Báo	4	4		4	4				
5	LH các hội Khoa học kỹ thuật tỉnh	7	6	1	7	6	1			
6	Hội Đông y tỉnh	3	3		3	3				
7	Hội Nạn nhân CDDC/ Dioxin	12	8	4	11	7	4	-1	-1	
8	Hội Người cao tuổi tỉnh	1	1		1	1				
9	Hội Người mù	3	3		3	3				
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>54</b>	<b>54</b>		<b>52</b>	<b>52</b>		<b>-2</b>	<b>-2</b>	
1	Hội Chữ thập đỏ TP Pleiku	5	5		4	4		-1	-1	
2	Hội Chữ thập đỏ Thị xã An Khê	3	3		3	3				
3	Hội Chữ thập đỏ Thị xã Ayun Pa	3	3		3	3				
4	Hội Chữ thập đỏ Huyện Đức Cơ	4	4		3	3		-1	-1	
5	Hội Chữ thập đỏ Huyện Ia Grai	3	3		3	3				
6	Hội Chữ thập đỏ Huyện Chư Prông	3	3		3	3				
7	Hội Chữ thập đỏ Huyện Ia Pa	3	3		3	3				
8	Hội Chữ thập đỏ Huyện Chư Păh	3	3		3	3				
9	Hội Chữ thập đỏ Huyện KBang	3	3		3	3				
10	Hội Chữ thập đỏ Huyện Krông Pa	3	3		3	3				
11	Hội Chữ thập đỏ Huyện Chư Sê	3	3		3	3				
12	Hội Chữ thập đỏ Huyện Kông Chro	3	3		3	3				
13	Hội Chữ thập đỏ Huyện Mang Yang	3	3		3	3				
14	Hội Chữ thập đỏ Huyện Đak Đoa	3	3		3	3				
15	Hội Chữ thập đỏ Huyện Đak Pơ	3	3		3	3				
16	Hội Chữ thập đỏ Huyện Phú Thiện	3	3		3	3				
17	Hội Chữ thập đỏ Huyện Chư Puh	3	3		3	3				

**BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 883 /BNV-TCBC  
V/v thẩm định số lượng người  
làm việc trong các đơn vị sự  
nghiệp công lập năm 2019

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

VPUBND TỈNH GIA LAI

53/8  
06/01/19

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Trả lời Công văn số 263/UBND-NC ngày 28/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Để có cơ sở thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai bổ sung các Phụ lục kèm theo Công văn số 2661/BNN-TCBC ngày 11/6/2018 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 và gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 10/3/2019 để tổng hợp và thẩm định theo quy định.

Đến thời gian nêu trên, nếu Bộ Nội vụ không nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định thì đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc và sẽ hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Gia Lai năm 2019 theo lộ trình tinh giản biên chế đã được Bộ Nội vụ thẩm định năm 2018 tại văn bản số 6411/BNN-TCBC ngày 07/12/2017 về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Gia Lai.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 của tỉnh Gia Lai, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Duy Thăng (để b/c);
- Lưu: VT, TCBC (03 b).

TL. BỘ TRƯỞNG  
Q. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC-BIÊN CHẾ



Nguyễn Văn Lượng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3947 /BNV-TCBC  
V/v hướng dẫn xử lý vấn đề  
biên chế của hội

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2018

VP.UBND TỈNH GIA LAI

ĐẾN NGÀY 19/8/2018  
ĐẾN NGÀY 21/8/2018

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai

Trả lời Công văn số 916/SNV-TCBC ngày 17/7/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc đề nghị hướng dẫn xử lý biên chế các hội, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng, Bộ Chính trị đã chỉ đạo: "từ năm 2017 đến năm 2020 từng bước thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho hội theo lộ trình phù hợp". Tuy nhiên, do chưa có văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa chỉ đạo nêu trên của Bộ Chính trị, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP), Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt về biên chế của Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi của tỉnh Gia Lai năm 2018 và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xử lý vấn đề biên chế của hội, đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định./. *nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Duy Thăng (để b/c);
- Lưu: VT, TCBC (03b).

TL. BỘ TRƯỞNG  
Q. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC-BIÊN CHẾ



Nguyễn Văn Lượng

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6261/BNV-TCBC  
V/v hướng dẫn liên quan đến  
quản lý biên chế

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018

VP.UBND TỈNH GIA LAI

Ký: 3/700  
ĐẾN Ngày 29/12/18

Chuyển: ..... Trả lời văn bản số 2319/UBND-NC ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh Gia Lai về việc đề nghị hướng dẫn liên quan đến quản lý biên chế, Bộ Nội vụ  
có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc quyết định biên chế  
công chức của tỉnh tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi được Bộ Nội vụ  
giao biên chế hàng năm.

Căn cứ Khoản 5 Điều 66 Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Điều 1  
Khoản 2 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Bộ Nội vụ đã có  
văn bản số 3231/BNV-TCBC ngày 11/7/2018 về việc thực hiện nhiệm vụ quyền  
hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, đồng thời  
gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai  
thực hiện theo văn bản số 3231/BNV-TCBC nêu trên.

2. Về hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ  
quan hành chính

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định tại Khoản 3  
Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ  
sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức,  
thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ  
quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời thực hiện tinh  
giản biên chế theo quy định đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số  
68/2000/NĐ-CP.

3. Về vấn đề giao biên chế cho Hội quần chúng:

Ngày 16/8/2018, Bộ Nội vụ đã có văn bản số 3947/BNV-TCBC về việc  
hướng dẫn xử lý vấn đề biên chế của hội gửi Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai, đồng thời gửi  
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thực  
hiện theo văn bản nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ liên quan đến quản lý biên chế công chức,  
đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Duy Thăng (để b/c);
- Lưu VT, TCBC (03b).

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**Q.VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC - BIÊN CHẾ**



Nam Văn Lương

Số: 41/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2012

**NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập,*

**Chương 1.**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định nguyên tắc, căn cứ, phương pháp, trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm và thẩm quyền quản lý vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với các vị trí việc làm gắn với các chức danh, chức vụ quy định là công chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 2. Vị trí việc làm và phân loại vị trí việc làm**

1. Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng; là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Vị trí việc làm được phân loại như sau:

- a) Vị trí việc làm do một người đảm nhận;
- b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận;
- c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

**Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý vị trí việc làm**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý viên chức.

2. Vị trí việc làm được xác định và điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Vị trí việc làm phải gắn với chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý tương ứng

4. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với thực tiễn.

**Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm**

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và công việc thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tính chất, đặc điểm, nhu cầu công việc của đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Mức độ phức tạp, quy mô công việc; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật chuyên ngành.
4. Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thực trạng bố trí, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **Điều 5. Phương pháp xác định vị trí việc làm**

1. Việc xác định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo phương pháp tổng hợp.
2. Xác định vị trí việc làm theo phương pháp tổng hợp được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa việc phân tích tổ chức, phân tích công việc với thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập và được thực hiện theo các bước cơ bản sau:
  - a) Bước 1: Thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;
  - b) Bước 2: Phân nhóm công việc;
  - c) Bước 3: Xác định các yếu tố ảnh hưởng;
  - d) Bước 4: Thống kê, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức;
  - d) Bước 5: Xác định bảng danh mục vị trí việc làm cần thiết của đơn vị sự nghiệp công lập;
  - e) Bước 6: Xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm;
  - g) Bước 7: Xây dựng khung năng lực của từng vị trí việc làm;
  - h) Bước 8: Xác định chức danh nghề nghiệp tương ứng với danh mục vị trí việc làm cần thiết.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 2 Điều này.

#### **Điều 6. Xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp**

1. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được xác định theo các căn cứ sau:
  - a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền quyết định;
  - b) Tính chất, đặc điểm, phạm vi, quy mô, mức độ phức tạp của công việc;
  - c) Số lượng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp tương ứng.
2. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hướng dẫn việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

#### **Điều 7. Nội dung quản lý vị trí việc làm**

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm.
2. Xác định vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
5. Thống kê, tổng hợp và báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

## **Chương 2.**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

#### **Điều 8. Xây dựng đề án vị trí việc làm**

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
2. Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xây dựng đề án vị trí việc làm.

#### **Điều 9. Thẩm định đề án vị trí việc làm**

1. Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là Bộ) có trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quản lý; tổng hợp danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quản lý, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.
2. Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tổng hợp danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.
3. Nội dung thẩm định:
  - a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm theo quy định;
  - b) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án;
  - c) Danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, dự kiến số lượng người làm việc theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;
  - d) Điều kiện bảo đảm thực hiện sau khi đề án được phê duyệt.
4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm phải hoàn thành việc thẩm định đề trình cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 10. Hồ sơ trình đề án vị trí việc làm**

1. Hồ sơ, bao gồm:
  - a) Tờ trình;
  - b) Đề án;
  - c) Văn bản thẩm định của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;

- d) Bản sao Quyết định về việc thành lập; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;
- đ) Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng đề án.

2. Chậm nhất là ngày 20 tháng 7 hàng năm, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo và báo cáo tổng hợp về vị trí việc làm của Bộ, ngành, địa phương về Bộ Nội vụ theo quy định.

Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trình cơ quan có thẩm quyền hồ sơ về đề án vị trí việc làm và báo cáo tổng hợp gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp chung về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Sau thời gian quy định nêu trên, nếu Bộ, ngành và địa phương không gửi hồ sơ về đề án vị trí việc làm quy định tại Khoản 1 Điều này thì giữ ổn định số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 11. Điều chỉnh vị trí việc làm**

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại hoặc giải thể.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm quy định tại Điều 8, Điều 9, và Điều 10 của Nghị định này.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phải được xác định ngay từ khi xây dựng đề án thành lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Quyết định thành lập.

### **Chương 3.**

## **THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

### **Điều 12. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về vị trí việc làm và hướng dẫn cụ thể việc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định này.

3. Chỉ đạo Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ thẩm định đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Quyết định phân bổ số lượng người làm việc đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý nhưng không được vượt quá số lượng người làm việc do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
5. Quản lý vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; phân cấp quản lý vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục, Cục và tương đương trực thuộc.
6. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.
7. Tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 13. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Căn cứ vào đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **Điều 14. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định này.
2. Chỉ đạo Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.
3. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
4. Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.
5. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Bộ Nội vụ**

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quyết định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Quyết định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự;

b) Quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự.

3. Quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt.

4. Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16. Bộ Tài chính**

1. Xây dựng định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo số lượng người làm việc được xác định trong đơn vị sự nghiệp công lập; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm theo số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

### **Điều 17. Đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị mình theo quy định tại Nghị định này và theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự: Quyết định số lượng người làm việc trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quản lý viên chức theo thẩm quyền được giao.
3. Chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị mình.
4. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị mình.

#### **Chương 4.**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác**

1. Các đơn vị sự nghiệp thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
2. Một số loại công việc quy định phải thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định hiện hành được áp dụng các quy định tại Nghị định này để xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc căn cứ ký hợp đồng lao động.

#### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2012.

Bãi bỏ những quy định về biên chế tại Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước; Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này.

#### **Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.